

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 87/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Thông tấn xã Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 144/QĐ-TTX ngày 29/12/2023 của Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024 của các đơn vị dự toán trực thuộc Thông tấn xã Việt Nam;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của các đơn vị dự toán trực thuộc Thông tấn xã Việt Nam theo Biểu kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng NSNN của TTXVN; Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Lưu :VT, KHTC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Việt Trang

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-TTX ngày 12/01/2024 của TTXVN)



STT	Chi tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								Đơn vị: đồng		
				Văn phòng	TTXVN - Khối xuất bản TT	Trung tâm kỹ thuật Thông tấn	Nhà xuất bản Thông tấn	Báo ảnh Việt Nam	Cơ quan TTXVN khu vực miền Trung - Tây Nguyên	Cơ quan TTXVN khu vực phía Nam	Trung tâm Truyền hình thông tấn	Khối các QTTT TTXVN ở ngoài nước	Báo Việt Nam News	
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	588,140,000,000	588,140,000,000	67,741,000,000	178,766,000,000	60,859,000,000	4,534,000,000	20,854,000,000	13,603,000,000	33,083,000,000	49,989,000,000	150,011,000,000	8,700,000,000	
I	Loại 190, khoản 211	585,340,000,000	585,340,000,000	66,493,000,000	178,392,000,000	60,659,000,000	3,736,000,000	20,674,000,000	13,603,000,000	33,083,000,000	49,989,000,000	150,011,000,000	8,700,000,000	
1	KP thường xuyên giao tự chủ	534,362,000,000	534,362,000,000	65,365,000,000	168,892,000,000	60,659,000,000	3,736,000,000	10,824,000,000	13,603,000,000	33,083,000,000	47,989,000,000	130,211,000,000		
2	KP thường xuyên giao không tự chủ	50,978,000,000	50,978,000,000	1,128,000,000	9,500,000,000			9,850,000,000			2,000,000,000	19,800,000,000	8,700,000,000	
II	Loại 160 khoản 171	600,000,000	600,000,000	0	0	0	600,000,000	0	0	0	0	0	0	
1	Kinh phí TX không giao tự chủ	600,000,000	600,000,000				600,000,000							
III	Loại 100, khoản 103	2,200,000,000	2,200,000,000	1,248,000,000	374,000,000	200,000,000	198,000,000	180,000,000	0	0	0	0	0	
1	Kinh phí TX không giao tự chủ	2,200,000,000	2,200,000,000	1,248,000,000	374,000,000	200,000,000	198,000,000	180,000,000						

